TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **55**/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 19-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Chiêm Ngọc Linh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Hồng Ứng.

2/ Bà Thạch Thị Sà Phải.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lý Thị Qual - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 205/2018/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2018, về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 24/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tô Văn Q, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Bà Lâm Thị Bạch X, sinh năm 1971 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2018 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Tô Văn Q trình bày: Sau một thời gian quen biết, tìm hiểu thì vào năm 1996 ông và bà Lâm Thị Bạch X tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc tại ấp T, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng, đến tháng 8/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Nhận thấy tình cảm đã hết, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được nên ông Q yêu cầu được ly hôn.

Trong quá trình chung sống ông Q và bà X có hai con chung là: Tô Thị Huyền T, sinh năm 1993 và Tô Văn Đ, sinh năm 1999, hiện đã trưởng thành có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Bị đơn bà Lâm Thị Bạch X trình bày: Bà X thống nhất với lời trình bày của ông Q về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, con chung hai người nêu trên hiện đã trưởng thành có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân. Nguyên

nhân phát sinh mâu thuẫn giữa bà và ông Q là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, nay ông Q yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lâm Thị Bạch X có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Lâm Thị Bạch X.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Tô Văn Q, nhận thấy ông Q và bà X sống chung với nhau vào năm 1996, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Ông Q và bà X chung sống từ năm 1996 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn, nên theo quy định nêu trên pháp luật không công nhận ông Q và bà X là vợ chồng.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống ông Q và bà X có hai con chung là: Tô Thị Huyền T, sinh năm 1993 và Tô Văn Đ, sinh năm 1999 hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông Q và bà X cùng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Ông Tô Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống giữa ông Tô Văn Q với bà Lâm Thị Bạch X là vợ chồng.

- Về con chung: Hai người con chung là Tô Thị Huyền T, sinh năm 1993 và Tô Văn Đ, sinh năm 1999 đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Ông Q và bà X cùng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tố Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002808, ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Lâm Thị Bạch X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh